

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 09 – 3 - 2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con, chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy;

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu;

Ông Võ Trung Hiếu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Hà Vy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Bà Hà Ngọc Thư Trúc, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2025/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2026 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2025/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực M – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 242/2026/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Bửu Ngọc P, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp B, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Võ Thanh T1, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp T, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn Võ Thanh T1.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* **Theo án sơ thẩm;**

- Nguyên đơn Nguyễn Bửu Ngọc P trình bày:

Bà P và ông T1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu bà P, ông T1 sống hạnh phúc. Đến 2023n bà P chuẩn bị sinh con nên về gia đình và sau khi sinh con bà P cùng với ông T1 thuê phòng trọ tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh chung sống. Thời điểm đó bà P ở nhà chăm con, ông T1 đi làm thì cuộc sống chung của bà P và ông T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, những lúc gây nhau ông T1 nhiều lần có lời lẽ xúc phạm, đánh và đùoi bà P. Gần nhất khoảng tháng 6/2025 tay của con bị bỏng do trúng nước nóng ông T1 mắng và đánh bà P nên bà P về gia đình sống cho đến nay. Bà P không còn tình cảm vợ chồng với ông T1, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên yêu cầu được ly hôn với ông T1. Bà P và ông T1 có 01 con chung Võ Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 02/02/2024 đang ở cùng với ông T1 tại phòng trọ. Trong thời gian bà P, ông T1 sống ly thân, bà P đến thăm con thì ông T1 cản trở không cho gặp vì nói thăm con nhưng không báo trước, cho rằng bà P có ý định bắt con đem đi đâu không rõ nên không cho gặp con. Hiện con còn nhỏ, là con gái rất cần mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng và ông T1 làm công việc giao hàng nên không có đủ thời gian chăm con. Những khi ông T1 đi làm phải nhờ mẹ của ông T1 ở gần bên giữ con dùm. Hiện bà P có việc làm, có thời gian nghỉ trong tuần nên chủ động, sắp xếp được nhiều thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Quỳnh A. Do đó bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Quỳnh A, yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Nhưng tại phiên tòa, ông T1 trình bày mức cấp dưỡng nuôi con bà P yêu cầu nêu trên là cao do ông T1 nuôi con chi phí đủ khoảng 1.500.000 đồng/tháng nên bà P thống nhất với ý kiến của ông T1 mức cấp dưỡng cho con là 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà P và ông T1 tự thỏa thuận và yêu cầu Tòa án ghi nhận về chia tài sản chung, cụ thể:

Ông T1 sở hữu tài sản đang quản lý gồm: 01 dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ; 01 đôi bông cưới vàng 18k, không rõ trọng lượng; 01 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 05 phân; 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 09 phân và 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại PCX, biển số đăng ký 63AS-124.60 tên chủ xe Nguyễn Bửu Ngọc P. Ông T1 tự nguyện giao bà P số tiền 6.600.000 đồng.

Bà P được quyền sở hữu 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại VISION, biển số đăng ký 63AS-140.73 tên chủ xe Nguyễn Bửu Ngọc P.

Về nợ chung, bà P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Tại tờ trình, biên bản hòa giải ngày 05/8/2025 và bản tự khai ngày 23/8/2025 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn Võ Thanh T1 trình bày:*

Ông T1 thống nhất với lời trình bày của bà P về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, con và tài sản chung. Nguyên nhân ông T1 và bà P xảy ra mâu thuẫn xoay quanh việc chăm, nuôi con chung như bà P trình bày. Ông T1 hiểu nhầm bà P ghen với chị dâu của ông T1 nên ông T1 có mắng, dùng tay tát bà P 01 cái vào miệng. Do đó sáng 21/06/2025 bà P tự ý dọn đồ về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Về con chung có một cháu như bà P trình bày, từ ngày bà P đi con ông T1 nuôi dưỡng. Bà P có lên thăm con 02 lần, nhưng bà P không nói ông T1 biết và cố tình mang con đi nhưng ông T1 về kịp nên bà P không bắt con đi được.

Ông T1 còn thương vợ muốn hàn gắn tình cảm với bà P và ly hôn ông T1 sợ rằng con sống với cha sẽ không có mẹ và ngược lại. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà P. Ông T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà P cấp dưỡng do ông có việc làm, đủ thu nhập nuôi con. Về mức cấp dưỡng nuôi con bà P yêu cầu 3.000.000 đồng/tháng là cao so với mức chi phí ông T1 nuôi con nên mức 1.500.000 đồng là chi phí đủ cho con. Về tài sản chung của ông T1 và bà P như bà P trình bày như trên và đã thỏa thuận yêu cầu Tòa án ghi nhận: Ông T1 được sở hữu gồm: 01 dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ; 01 đôi bông cưới vàng 18k, không rõ trọng lượng; 01 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 05 phân; 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 09 phân và 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại PCX, biển số đăng ký 63AS-124.60 tên chủ xe Nguyễn Bửu Ngọc P. Ông T1 tự nguyện giao chị P số tiền 6.600.000 đồng. Bà P được sở hữu 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại VISION, biển số đăng ký 63AS-140.73 tên chủ xe Nguyễn Bửu Ngọc P.

Về nợ chung, ông T1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 61/2025/HNGĐ-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M – Đồng Tháp quyết định:*

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 273, khoản 4 Điều 147, Điều 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bửu Ngọc P.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Bửu Ngọc P ly hôn với ông Võ Thanh T1.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Võ Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 02/02/2024 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng.

Không ai được quyền cản trở ông T1 thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Buộc ông Võ Thanh T1 đóng góp với bà P nuôi con chung số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi con chung Quỳnh A đủ 18 tuổi. Thời gian ông T1 thực hiện cấp dưỡng nuôi con khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quan hệ tài sản chung, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

\* Ngày 29/8/2025, bị đơn Võ Thanh T1 kháng cáo với nội dung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Võ Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 02/02/2024, không yêu cầu bà Nguyễn Bửu Ngọc P cấp dưỡng.

#### ***Tại phiên tòa phúc thẩm;***

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Võ Thanh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[1]. Về tố tụng: Ông Võ Thanh T1 nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 61/2025/HNGĐ-ST ngày 27/8/2025, Tòa án nhân dân Khu vực M – Đồng Tháp giải quyết về ly hôn, quan hệ con chung, quan hệ tài sản chung tranh chấp giữa bà Nguyễn Bửu Ngọc P và ông Võ Thanh T1. Ông Võ Thanh T1 kháng cáo về quan hệ con chung, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

Xét thấy, bà Nguyễn Bửu Ngọc P và ông Võ Thanh T1 có 01 con chung tên Võ Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 02/02/2024, hiện ông Võ Thanh T1 đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi.”

Như vậy, khi giải quyết ly hôn, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Bửu Ngọc P, giao con chung Võ Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 02/02/2024 cho bà Nguyễn Bửu Ngọc P nuôi là có căn cứ pháp luật, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung. Đồng thời, không có chứng cứ chứng minh việc bà Nguyễn Bửu Ngọc P không đủ điều kiện nuôi con. Do vậy, kháng cáo của ông Võ Thanh T1 là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[3]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ông Võ Thanh T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
  - Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thanh T1.
  - Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 61/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M – Đồng Tháp về quan hệ con chung.

Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bửu Ngọc P.

Về quan hệ con chung: Giao con chung Võ Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 02/02/2024 cho bà Nguyễn Bửu Ngọc P trực tiếp nuôi.

Ông Võ Thanh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Buộc ông Võ Thanh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Võ Nguyễn Quỳnh A hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời hạn cấp dưỡng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

3. Về án phí: Ông Võ Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0002268 ngày 09/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp thành án phí.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;(1)
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;(1)
- TAND khu vực M – Đồng Tháp;(1)
- THADS Đồng Tháp; (1)
- Các đương sự;(1)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lê Huy**